



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2024

## BÁO CÁO TÓM TẮT

**Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024**

*(Phục vụ tiếp xúc cử tri trước kỳ họp thứ 17 HĐND Thành phố khoá XVI)*

Thực hiện Chương trình kỳ họp thứ 17 HĐND Thành phố khoá XVI, UBND Thành phố báo cáo cử tri tóm tắt về “Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024” như sau:

### **Phần I. Kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 6 tháng đầu năm**

Trong 6 tháng đầu năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; tình trạng bất ổn an ninh, chính trị leo thang tại một số quốc gia, khu vực, tiềm ẩn rủi ro tới sự ổn định và phát triển kinh tế toàn cầu; kinh tế thế giới bước đầu phục hồi nhưng còn chậm. Trong nước, Thành phố Hà Nội nghiêm túc, quyết liệt thực hiện các giải pháp đề ra trong Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội nhằm đạt kết quả cao nhất mục tiêu tăng trưởng năm 2024. UBND Thành phố đã ban hành Chương trình hành động số 04/CTr-UBND, ngày 14/3/2024 với 05 trọng tâm chỉ đạo điều hành thực hiện 24 chỉ tiêu, 85 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu và 94 nhiệm vụ cụ thể gắn với trách nhiệm và tiến độ hoàn thành của từng sở, ban, ngành và địa phương. Tình hình KTXH 6 tháng đầu năm 2024 của Thành phố duy trì tăng trưởng ổn định, đạt được một số kết quả quan trọng như sau:

#### **1. Kết quả phát triển kinh tế**

##### **1.1. Về các cân đối lớn**

- *Cân đối thu – chi ngân sách được đảm bảo:* Tổng thu NSNN trên địa bàn Thành phố 5 tháng đầu năm 2024 là 233.175 tỷ đồng, đạt 57,1% dự toán, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó: Thu nội địa: 221.883 tỷ đồng, đạt 58,6% dự toán, tăng 12,5%. Tổng chi ngân sách địa phương 36.417 tỷ đồng, đạt 24,9% dự toán đầu năm, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 15.089 tỷ đồng, đạt 18,6% dự toán, tăng 29,6% so với cùng kỳ.

- *Xuất, nhập khẩu phục hồi, tăng khá cao so với cùng kỳ và so với kế hoạch:* Kim ngạch xuất khẩu 5 tháng đầu năm 2024 đạt 7.158 triệu USD, tăng 7,7% (cùng kỳ giảm 0,3%; kế hoạch năm 2024 tăng 4-5%). Ước 6 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu đạt 8.663 triệu USD, tăng 8,8% (cùng kỳ giảm 2,7%). Kim ngạch nhập khẩu đạt 15.977 triệu USD, tăng 11,5% (cùng kỳ giảm 14%). Ước 6 tháng, kim ngạch nhập khẩu đạt 22.926 triệu USD, tăng 13,8% (cùng kỳ giảm 16,3%).

- *Vốn đầu tư phát triển xã hội tăng khá, đạt cao hơn mức tăng cùng kỳ, tuy nhiên vẫn thấp hơn kế hoạch:* Vốn đầu tư phát triển xã hội 6 tháng đầu năm ước đạt



208.784 tỷ đồng, tăng 9,55% - cao hơn so với cùng kỳ năm 2023 (tăng 9,0%), tuy nhiên còn thấp so với kế hoạch (10,5%). Nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn giảm nhẹ; Lũy kế 5 tháng đầu năm, tổng nguồn vốn huy động đạt 5.315 nghìn tỷ đồng, giảm 0,38% (cùng kỳ tăng 2,2%); tổng dư nợ 3.801 nghìn tỷ đồng, tăng 5,09% (cùng kỳ tăng 3,2%).

- *Chỉ số giá tiêu dùng tăng mạnh, cao hơn khá nhiều mục tiêu cả năm*: CPI bình quân 5 tháng đầu năm tăng 5,31% (cùng kỳ tăng 1,52%; mục tiêu năm 2024 là dưới 4%). Ước 6 tháng, chỉ số CPI tăng 5,28-5,35%.

### **1.2. GRDP duy trì tăng trưởng khá, mức tăng Quý II cao hơn Quý I, cao hơn cùng kỳ**

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) quý II/2024 ước tăng 6,44% (Quý I tăng 5,5%; Quý II/2023 tăng 5,98%; kịch bản Quý II tăng từ 6,2-6,7%), trong đó: Dịch vụ tăng 7,15% (cùng kỳ tăng 7,19%); Công nghiệp và Xây dựng tăng 5,57% (cùng kỳ tăng 4,04%); Thuế sản phẩm tăng 4,65% (cùng kỳ tăng 3,27%); Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản tăng 1,9% (cùng kỳ tăng 2,33%).

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, GRDP Hà Nội ước tăng 6,0% (cùng kỳ tăng 5,97%). Trong đó, dịch vụ tăng thấp hơn cùng kỳ, các ngành còn lại đều tăng cao hơn cùng kỳ, cụ thể: Dịch vụ tăng 6,55% (cùng kỳ tăng 7,54%); Công nghiệp và xây dựng tăng 5,37% (cùng kỳ tăng 3,28%); Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,94% (cùng kỳ tăng 2,24%); Thuế sản phẩm tăng 4,38% (cùng kỳ tăng 2,41%).

### **1.3. Các ngành kinh tế phát triển ổn định**

*Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, du lịch, vận tải hành khách, vận tải hàng hoá tiếp tục duy trì tăng trưởng khá*: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 5 tháng đầu năm đạt 336.510 tỷ đồng, tăng 10,0% (cùng kỳ tăng 11,3%),

*Du lịch và vận tải hành khách tiếp tục tăng trưởng khá*, khách du lịch quốc tế tăng cao. Dự kiến 6 tháng đầu năm, tổng khách du lịch đạt 14,05 triệu lượt, tăng 13,7%; trong đó: khách quốc tế 3,14 triệu lượt, tăng 52,6%; số lượt hành khách vận chuyển đạt 170,458 triệu lượt, tăng 13% (cùng kỳ tăng 25,1%).

*Sản xuất công nghiệp tăng mạnh, mức tăng khá cao so với cùng kỳ*: 5 tháng đầu năm 2024, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 4,7% (cùng kỳ tăng 2,1%).

*Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng ổn định*: Thành phố đã hoàn thành vượt 1,2% kế hoạch gieo trồng Vụ Xuân với năng suất ước đạt 62,7 tạ/ha, sản lượng ước đạt 506.710 tấn; Chăn nuôi gia súc, gia cầm cơ bản ổn định, không xuất hiện dịch bệnh lớn; Sản lượng nuôi trồng thủy sản ước 6 tháng đầu năm đạt 55 nghìn tấn, đạt 39,76% kế hoạch.

*Thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh được chú trọng*: Thu hút FDI đạt 1.119,7 triệu USD vốn FDI (bằng 38% cả năm 2023). Doanh nghiệp tiếp tục khó khăn; có 12.918 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn 124.323 tỷ đồng (giảm 2% về số lượng doanh nghiệp, giảm 4% về vốn đăng ký); Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Năm 2023 giảm 08 bậc so với năm 2022.



*1.4. Công tác giải ngân vốn đầu tư công được đẩy mạnh:* Tính đến hết tháng 5/2024, giải ngân kế hoạch đầu tư công toàn Thành phố đạt 15.088 tỷ đồng, bằng 18,6% kế hoạch (5 tháng năm 2023 là 24,8%; cả nước giải ngân 148.248,8 tỷ đồng, bằng 20,99% kế hoạch). Ước 6 tháng năm 2023, giải ngân 22.871 tỷ đồng, đạt 28,2% kế hoạch.

## **2. Lĩnh vực văn hóa, xã hội tiếp tục phát triển**

*Thành phố đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phát triển chính quyền số, bảo đảm an toàn thông tin mạng gắn với xây dựng thành phố thông minh, hiện đại.* Đảm bảo kết nối việc kết nối chính thức Hệ thống Hồ sơ sức khỏe Thành phố vào mạng số liệu chuyên dùng CPNet và kết nối hệ thống Hồ sơ sức khỏe Thành phố với cơ sở dữ liệu dân cư để xác minh, làm sạch dữ liệu người dân. Triển khai thí điểm các mô hình “Phường chuyên đổi số”...

*Công tác xây dựng và phát huy hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Thủ đô đáp ứng yêu cầu phát triển được chú trọng;* nhiều di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Hà Nội được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Tập trung triển khai phát động và tổ chức các chương trình hướng tới chào mừng kỷ niệm 70 năm Ngày Giải phóng Thủ đô (10/10/1954 - 10/10/2024) Hoạt động thể thao thành tích cao được quan tâm đầu tư, cử các đoàn thể thao đi tập huấn và thi đấu trong nước và quốc tế đạt thành tích cao với 707 huy chương các loại.

*Chất lượng giáo dục và đào tạo tiếp tục giữ vững;* Trong kỳ thi học sinh "Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp" lần thứ VI, Đoàn Hà Nội có 7 dự án khởi nghiệp đã xuất sắc vượt qua hơn 700 dự án của các tác giả, nhóm tác giả trên toàn quốc với 2 dự án đoạt giải Nhất, 2 dự án đoạt giải Nhì và 3 dự án đoạt giải Ba Cuộc thi. Đến nay, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia toàn Thành phố là 64,4%, trong đó, tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia là 79,4%.

*Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân tiếp tục được cải thiện; an toàn thực phẩm được tăng cường; dịch bệnh trên người được kiểm soát;* Hiện có 488/579 (84,28%) xã, phường, thị trấn đã được công nhận đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã. Thành phố đang triển khai thí điểm mô hình "Bệnh viện Chị - Em" giữa Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn và các đơn vị y tế tuyến huyện, xã tại huyện Ba Vì. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 94,31% dân số. Ước hết tháng 6/2024, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 94,33% dân số,

*An sinh xã hội được đảm bảo; công tác chăm lo Tết cho nhân dân và đối tượng chính sách được thực hiện tốt; các chính sách xã hội được thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng đối tượng:* Dịp Tết Nguyên đán đã trao tặng 2.219.722 suất quà với tổng kinh phí 1.033,486 tỷ đồng, đạt 186,5% kế hoạch; Tổng kinh phí chi cho công tác ưu đãi người có công của Thành phố là 1.012 tỷ đồng. Tạo việc làm mới cho 100.335 lao động, đạt 60,8% kế hoạch; Ước 6 tháng đầu năm, tạo việc làm mới cho 120.000 lao động, đạt 73% kế hoạch, tương đương cùng kỳ năm 2023. Quyết định hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp cho 24.963 trường hợp với số tiền 793,7 tỷ đồng. Đến hết quý I/2024, toàn Thành phố có 19/30 quận, huyện không còn hộ nghèo (có thêm thị xã Sơn Tây so với cuối năm 2023). Thành phố đã tổ chức Lễ



khởi công xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tại 15 huyện, thị xã; Đã có 613 nhà khởi công, đạt 84,6% KH, trong đó có 161 nhà đã hoàn thành.

*Hạ tầng số, khoa học và công nghệ, đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp được chú trọng:* Thành phố Hà Nội dẫn đầu xếp hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) năm 2023. Thành phố tiếp tục tập trung hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; chuẩn bị các điều kiện để tổ chức Sự kiện “Kết nối công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam 2024 - Techconnect and Innovation Vietnam 2024”; Đẩy nhanh tiến độ để sớm đưa vào vận hành “Sàn giao dịch công nghệ Hà Nội”.

### **3. Đẩy nhanh công tác quy hoạch; xây dựng và phát triển hạ tầng, đô thị**

Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 đã hoàn thành, trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo xin ý kiến Quốc hội. Các quy hoạch còn lại được gấp rút hoàn thiện. 5 tháng đầu năm 2024, Thành phố đã phê duyệt thêm 27 nhiệm vụ, đồ án khác: 03 đồ án quy hoạch chi tiết; 03 quy hoạch tổng mặt bằng; 04 nhiệm vụ quy hoạch chi tiết; 17 đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch. Tiếp tục thực hiện các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, phân khu đô thị vệ tinh, xây dựng vùng huyện, cải tạo xây dựng lại các khu chung cư cũ trên địa bàn Thành phố.

### **4. Xây dựng hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại, hoàn thành các tuyến đường quốc lộ, đường cao tốc, vành đai... gắn với phát triển đô thị; công tác quản lý trật tự xây dựng được tăng cường.**

Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ để đưa vào vận hành tuyến đường sắt Nhôn – ga Hà Nội (đoạn trên cao); tiếp tục đẩy nhanh tiến độ dự án đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô; dự kiến hoàn thành dự án Đường Âu Cơ đoạn từ khách sạn Thăng Lợi - cầu Nhật Tân vào cuối tháng 6/2024. Tập trung phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng (VTHKCC) khối lượng lớn, mở mới các tuyến buýt, đưa vào vận hành một số tuyến buýt chạy điện.

Đẩy nhanh tiến độ triển khai Kế hoạch triển khai Đề án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư trên địa bàn thành phố Hà Nội; hoàn thành Quy định về cải tạo xây dựng lại nhà chung cư trên địa bàn thành phố Hà Nội... Triển khai thực hiện Đề án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hà Nội, Thành phố đang tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; lựa chọn chủ đầu tư đối với từng dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư trên địa bàn; rà soát, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện 03 khu có điều kiện thuận lợi để triển khai trước: Khương Thượng, Trung Tự, Giảng Võ...

**5. Đẩy nhanh tiến độ cấp nước sạch; duy trì thoát nước, xử lý nước thải; mở rộng diện tích cây xanh, đảm bảo chiếu sáng và đẩy nhanh tiến độ hạ ngầm cáp viễn thông, điện lực;** hệ thống mạng lưới cấp nước sạch tập trung được phủ kín với chỉ tiêu cấp nước khoảng 100÷150 lít/người/ngày đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của 100% dân cư đô thị và tiếp tục mở rộng cấp nước cho khu vực nông thôn. Tỷ lệ người dân nông thôn được tiếp cận nguồn nước sạch tập trung đạt khoảng 90%, hiện Thành phố đang đầu tư hoàn thiện mạng cấp nước cho 11/54 xã (đạt 20,4% KH năm 2024) và một số tuyến truyền dẫn cấp nguồn. Duy trì và vận hành hiệu quả các nhà



máy xử lý nước thải đã được đầu tư xây dựng đã đưa vào hoạt động; Thực hiện công tác đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý nước thải Yên Xá và chuẩn bị đầu tư dự án các nhà máy xử lý nước thải: Kiên Hưng, Sơn Tây, Tây sông Nhuệ...

Tiếp tục phát động phong trào trồng cây xanh trên địa bàn các quận và 05 huyện thực hiện đề án lên quận; Hoàn thành “Quy định về quản lý xây dựng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị; quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội”.

#### **6. Tăng cường quản lý đất đai và thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án về lĩnh vực môi trường, khoáng sản, tài nguyên**

Thành phố đã phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 đối với 18/18 huyện, thị xã (trong tổng số 30 quận, huyện, thị xã trên địa bàn thành phố Hà Nội) theo đúng tiến độ. Thực hiện Dự án xây dựng tổng thể hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai Thành phố đến nay đã cơ bản thực hiện hạng mục đo đạc trên 27/27 địa bàn. Đã xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai 190/489 xã (trong đó 30 xã đã nhập dữ liệu; 160 xã, phường thị trấn còn lại đang thực hiện kê khai đăng ký đất đai).

Đầu giá quyền sử dụng đất đã thu được 5.158,87 tỷ đồng, đạt 20,5% chỉ tiêu; thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được 8.713 tỷ đồng/41.600 tỷ đồng đạt 20,94% kế hoạch; thu tiền thuê đất, mặt nước là 1.072 tỷ đồng, đạt 19,43% kế hoạch; thu tiền sử dụng đất là 7.641 tỷ đồng, đạt 21,16%.

#### **7. Cải cách hành chính được đẩy mạnh, hướng tới đồng bộ giữa cải cách thủ tục và cải cách bộ máy, thể chế; tiếp tục quan tâm công tác dân tộc, tôn giáo; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, lãng phí**

Thành phố Hà Nội đã ký ban hành 23 Quyết định công bố danh mục TTHC, TTHC mới ban hành, TTHC được sửa đổi/bổ sung, TTHC bị bãi bỏ theo phương án ủy quyền giải quyết TTHC. Cải cách hành chính được đẩy mạnh, kết quả thể hiện qua: Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) của Hà Nội năm 2023 đạt 83,57%, tăng 09 bậc so với năm 2022, xếp thứ 21/63 tỉnh, thành phố. Chỉ số Cải cách hành chính - PAR INDEX năm 2023 đạt 91,43 điểm (tăng 1,85 điểm), xếp thứ 03/63 tỉnh, thành phố, giữ nguyên thứ bậc so với năm 2022; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của Hà Nội năm 2023 đạt 43,96/80 điểm nhưng giảm 03 bậc so với năm 2022, xếp thứ 15/63 tỉnh, thành phố.

Hoàn thành việc cập nhật dữ liệu cán bộ công chức viên chức của Thành phố vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ công chức viên chức. Tổ chức lại các chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các sở. Hoàn thành Đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Hà Nội.

Công tác Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Ban Chỉ đạo Thành ủy quan tâm chỉ đạo triển khai bài bản, đồng bộ, gắn với đẩy mạnh toàn diện công tác xây dựng chính đồn Đảng và hệ thống chính trị; quyết liệt, đồng bộ từ thành phố đến địa phương. Công tác dân tộc, tôn giáo tiếp tục được quan tâm thực hiện

#### **8. Công tác quốc phòng được củng cố; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; các hoạt động đối ngoại tiếp tục duy trì và phát triển**



Bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối các ngày lễ, tết và sự kiện chính trị quan trọng của Đảng, Nhà nước diễn ra trên địa bàn. Công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm về trật tự xã hội được tăng cường; vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm 0,6% so với cùng kỳ năm 202; Điều tra khám phá đạt tỷ lệ 57,3%. Tình hình tai nạn giao thông, cháy, nổ tiếp tục diễn biến phức tạp.

*Công tác đối ngoại đạt tiếp tục được quan tâm toàn diện, khẳng định rõ nét vai trò của Thủ đô trong hoạt động đối ngoại chung của cả nước; Thành phố tiếp 28 đoàn khách quốc tế; Đã thực hiện ký kết 01 thỏa thuận quốc tế giữa UBND thành phố Hà Nội và Chính quyền tỉnh Fukuoka, Nhật Bản giai đoạn 2024 – 2028; Đang tiếp tục thúc đẩy ký kết thỏa thuận quốc tế, tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị với các thành phố, địa phương trên thế giới: Saint Petersburg (Nga); Rome (Italia); Caracas (Venezuela); Los Angeles (Mỹ); Gyeonggi (Hàn Quốc); Kanagawa và Fukuoka (Nhật Bản); ...*

Công tác phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố và các đoàn thể tiếp tục được đẩy mạnh, hiệu quả nâng cao; Triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, các phong trào thi đua yêu nước; chủ động đổi mới, nâng cao chất lượng hiệu quả, hoạt động, đặc biệt trong công tác vận động toàn dân đoàn kết; tặng quà, thăm hỏi gia đình chính sách, đối tượng có công, hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn trong các dịp lễ, tết; các hoạt động cứu trợ, vận động ủng hộ Quỹ “Vì biển, đảo Việt Nam”...

**ĐÁNH GIÁ CHUNG:** Được sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự nỗ lực, cố gắng của doanh nghiệp và toàn thể nhân dân Thủ đô, Thành phố đã thực hiện hiệu quả các giải pháp phát triển KTXH; sản xuất, kinh doanh duy trì tăng trưởng; quản lý và phát triển đô thị chuyển biến tích cực; hạ tầng đô thị được duy trì tốt; văn hóa, xã hội tiếp tục phát triển, chất lượng giáo dục được giữ vững; an sinh xã hội được đảm bảo; quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế tiếp tục được triển khai hiệu quả. ***Bức tranh KTXH có một số điểm nổi bật như sau:***

(1) Cân đối thu - chi ngân sách được đảm bảo; thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tăng cao (tăng 12,3%, đạt 57,1% dự toán, trong đó: Thu nội địa tăng 12,5%, đạt 58,6% dự toán).

(2) Kim ngạch xuất, nhập khẩu phục hồi tích cực, tăng cao so với cùng kỳ: xuất khẩu tăng 8,2% (cùng kỳ giảm 2,7%); nhập khẩu tăng 13,8% (cùng kỳ giảm 16,3%).

(3) Sản xuất công nghiệp tăng khá cao, đạt 4,7% (cùng kỳ tăng 2,1%) cho thấy tín hiệu tích cực về sự phục hồi của sản xuất công nghiệp cũng như xuất khẩu đối với các sản phẩm của ngành.

(4) Du lịch tiếp tục tăng trưởng mạnh; Khách du lịch quốc tế tăng 52,6% so với cùng kỳ; Khách du lịch trong nước tăng 6,0%. Hệ thống cơ sở lưu trú, đặc biệt là lưu trú cao cấp 4-5 sao, dịch vụ mua sắm, ăn uống, vui chơi giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch tiếp tục tăng cả về số lượng và chất lượng.

(5) 02 Quy hoạch lớn của Thủ đô là Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thủ



đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến 2065 đã hoàn thành với những điểm mới, có tính đột phá mạnh mẽ trong định hướng phát triển. Nhiều quy hoạch quan trọng khác được phê duyệt như Quy hoạch chung đô thị vệ tinh, Quy hoạch phân khu đô thị trung tâm... là cơ sở, tạo động lực xây dựng và phát triển Thủ đô.

(6) Công tác chuyển đổi số chuyển biến tích cực. Thành phố triển khai thí điểm hiệu quả các mô hình chuyển đổi số Thành phố và “Phường chuyển đổi số”. Hà Nội là địa phương đầu tiên trong cả nước, đã ban hành Nghị quyết quy định về mức phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến (mức thu bằng “không”) nhằm hỗ trợ tối đa người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

(7) Bộ Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) năm 2023 xếp thứ 1/63; Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) năm 2023 tăng 09 bậc, xếp thứ 21/63 tỉnh, thành phố.

Bên cạnh kết quả nêu trên, còn ***một số tồn tại, hạn chế sau:***

(1) Chỉ số giá tăng khá cao (5,31%) thách thức tăng trưởng bền vững và khả năng hoàn thành mục tiêu cả năm là kiểm soát dưới 4%.

(2) Doanh nghiệp tiếp tục khó khăn, số doanh nghiệp thành lập mới và số vốn đăng ký đều giảm so với cùng kỳ; số doanh nghiệp giải thể và tạm ngừng hoạt động tăng so cao với cùng kỳ.

(3) Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công 5 tháng đầu năm thấp hơn so với cùng kỳ (5 tháng đầu năm 2023 đạt 24,8%).

(4) Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) giảm bậc xếp hạng (PCI giảm 08 bậc, PAPI giảm 03 bậc so với năm 2022)...

(5) Công tác phát triển nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư còn chậm so với yêu cầu.

(6) Thực hiện chỉ tiêu tiêm chủng mở rộng, 04/08 chỉ tiêu chưa đạt tiến độ: (1) Tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin cho trẻ dưới 1 tuổi, (2) Tiêm vắc xin Viêm gan B sơ sinh, (3) Tiêm nhắc sởi 2 cho trẻ 18-23 tháng, (4) Tiêm Viêm não Nhật Bản cho trẻ 1-5 tuổi.

(7) Số vụ tai nạn giao thông tăng so với cùng kỳ; cháy, nổ trên địa bàn còn nhiều nguy cơ tiềm ẩn, diễn biến phức tạp, nhất là các vụ cháy tại các khu dân cư, chung cư cao tầng, cơ sở sản xuất, kinh doanh...

## **Phần II. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024**

Thời gian tới, dự báo tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường; Nền kinh tế trong nước tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực nhưng khó khăn. Với tinh thần chỉ đạo "5 quyết tâm", "5 bảo đảm", "5 đẩy mạnh" Chính phủ đã đưa các giải pháp tích cực, đổi mới, sáng tạo, kịp thời trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, tích cực tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh. Kinh tế Thủ đô đang dần phục hồi rõ nét, sản xuất công nghiệp, xuất khẩu, đầu tư, du lịch, tiêu dùng đang có những bứt phá mạnh mẽ, đóng góp nhiều hơn vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế Thủ đô. Tuy nhiên còn những trở ngại, thách thức trong quá trình phát triển: Giá cả tăng cao, doanh nghiệp còn khó khăn, tai nạn giao thông và cháy, nổ phức



tập... vẫn là những khó khăn nội tại ảnh hưởng không nhỏ đến việc hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển KTXH năm 2024.

Với bối cảnh khó khăn nêu trên, Thành phố tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra, đồng thời tập trung thực hiện một số nội dung trọng tâm sau:

**1. Bảo đảm ổn định và tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát; tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh; thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới**

Đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế; tiếp tục thực hiện quyết liệt, hiệu quả chính sách của Trung ương về miễn, giảm lãi suất, giãn, hoãn, cơ cấu lại nợ và miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh. Tiếp tục tổ chức các hội nghị, đối thoại định kỳ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách tạo động lực phát triển KTXH. Tăng cường xúc tiến thương mại, thúc đẩy xuất khẩu, khai thác thị trường tiềm năng

**2. Quyết liệt đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 và kế hoạch trung hạn 2021-2025.** Triển khai 5 chuyên đề thúc đẩy hoàn thành Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025, Kế hoạch đầu tư công năm 2024, 2025, xác định rõ yêu cầu, rõ nhiệm vụ, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả. Tập trung tháo gỡ khó khăn tối đa cho các dự án ODA, dự án vốn đầu tư nước ngoài, đầu tư ngoài ngân sách.

**3.** Tập trung thực hiện hiệu quả, thực chất cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; thúc đẩy phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, các ngành, lĩnh vực mới nổi, mô hình kinh doanh mới

**4. Thúc đẩy phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị; nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý nhà nước về quy hoạch, đất đai, đô thị và bảo vệ môi trường;** Đẩy nhanh tiến độ các công trình hạ tầng giao thông quan trọng; đưa vào vận hành khai thác đường sắt đô thị trên cao Nhổn - Ga Hà Nội. Kiểm tra tiến độ; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các Dự án cấp nước sạch trên địa bàn Thành phố, tập trung tại 14 huyện. Nghiên cứu, ban hành quy định chi tiết một số nội dung thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố về quản lý, sử dụng nhà ở cũ thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn Thành phố (thay thế Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của UBND Thành phố) sau khi Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, sử dụng đất đai; hoàn thiện bổ sung Kế hoạch sử dụng đất; Danh mục thu hồi đất, danh mục chuyển mục đích đất trồng lúa năm 2024.

**5. Phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội; nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ;** Tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày lễ lớn trong năm của đất nước và Thủ đô; đặc biệt các hoạt động kỷ niệm 70 năm Ngày giải phóng Thủ đô (10/10/1954-10/10/2024). Hoàn thiện Quy hoạch mạng lưới mầm non, trường phổ thông và giáo dục thường xuyên thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tích hợp vào Quy hoạch Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. hoàn thành 04 chỉ tiêu liên quan quản lý và tiêm chủng còn chưa thực hiện; Đảm bảo an sinh xã hội; thực hiện đầy



đủ các chính sách đối với người có công với cách mạng, trợ giúp xã hội. Tiếp tục phát triển thị trường lao động, định hướng đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm cho người lao động khi bị mất việc làm.

**6. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC), sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; triển khai thực hiện Luật Thủ đô (sửa đổi); thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí;** Ban hành Bộ chỉ số CCHC của các Sở, cơ quan tương đương Sở và UBND các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội giai đoạn 2024 – 2030 và Khung Chỉ số CCHC áp dụng đối với các phòng chuyên môn và tương đương thuộc UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc Thành phố;... Các sở theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện rà soát, xác định các nhiệm vụ được điều chỉnh (tăng thêm, giảm đi) của cấp Thành phố, cấp huyện, cấp xã theo quy định của Luật Thủ đô (sửa đổi) được ban hành, chủ trì tham mưu: UBND Thành phố ban hành quyết định hoặc UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành nghị quyết quy định phân cấp của từng ngành, lĩnh vực đảm bảo đồng bộ, đầy đủ theo chuyên ngành và đồng bộ, đầy đủ cho cấp huyện, cho cấp xã theo quy định

Thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở. Đẩy nhanh tiến độ, kết thúc điều tra, truy tố để đưa ra xét xử các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực; sớm giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án, đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án.

**7. Đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội; Duy trì tốt công tác đối ngoại.** Kiên trì các giải pháp tuyên truyền gắn với kiểm tra, giám sát các hoạt động tham gia giao thông, hoạt động sản xuất, kinh doanh, lưu trú... nhằm kiểm chế tai nạn giao thông và phòng, chống cháy nổ. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ thành phố Hà Nội năm 2024 và chỉ đạo diễn tập cấp 2 cùng với thành phố đối với 03 huyện (Chương Mỹ, Quốc Oai, Thạch Thất); Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, đền ơn đáp nghĩa, giáo dục quốc phòng - an ninh, đối ngoại quân sự... Tổ chức các hoạt động đối ngoại có chọn lọc và ưu tiên, phù hợp với thế mạnh của đối tác và tiềm năng, nhu cầu của Thành phố cũng như nguồn lực có hạn trong tình hình mới.

**8. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông, dân vận tạo đồng thuận xã hội.** Ngăn chặn kịp thời thông tin xấu, độc, sai sự thật, xuyên tạc, nhất là trên không gian mạng. Làm tốt công tác dân vận, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân, nhất là trong công tác giám sát, phản biện, góp phần tạo đồng thuận xã hội.

**9. Chuẩn bị văn kiện Đại hội Đảng bộ thành phố khóa 18 nhiệm kỳ 2025-2030; công tác xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024; Kế hoạch tài chính, ngân sách năm 2025 và 3 năm 2025-2027; Kế hoạch đầu tư công năm 2025 và 5 năm 2026-2030 đảm bảo chất lượng./.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**



Phụ lục: Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng năm 2024

| TT                                                   | Tên chỉ tiêu                                                                                            | Đơn vị tính | TH 6T/2023 | Kế hoạch năm 2024 | ƯTH 6 tháng           | Ghi chú |
|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|-------------------|-----------------------|---------|
| <b>A NHÓM CHỈ TIÊU KINH TẾ TỔNG HỢP</b>              |                                                                                                         |             |            |                   |                       |         |
| 1                                                    | Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)<br><i>Trong đó:</i>                                       | %           | 5,97       | 6,50 - 7,00       | 6,00                  |         |
|                                                      | - Dịch vụ                                                                                               | %           | 7,54       | 6,64 - 7,23       | 6,55                  |         |
|                                                      | - Thuế sản phẩm trừ trợ cấp                                                                             | %           | 2,41       | 4,50              | 4,38                  |         |
|                                                      | - Công nghiệp và xây dựng                                                                               | %           | 3,28       |                   | 5,37                  |         |
|                                                      | + Công nghiệp                                                                                           | %           | 2,82       | 7,00 - 7,50       | 5,33                  |         |
|                                                      | + Xây dựng                                                                                              | %           | 4,14       | 8,00 - 8,50       |                       |         |
|                                                      | - Nông, lâm nghiệp và thủy sản                                                                          | %           | 2,24       | 2,50 - 3,00       | 2,94                  |         |
| 2                                                    | GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành)                                                                | Triệu đồng  |            | 160,8 - 162,0     | Báo cáo cuối năm 2024 |         |
| 3                                                    | Tốc độ tăng vốn đầu tư phát triển xã hội                                                                | %           | 8,50       | 10,5 - 11,5       | 9,55                  |         |
| 4                                                    | Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu                                                                    | %           | -2,70      | 4,0 - 5,0         | 8,20                  |         |
| 5                                                    | Chỉ số giá tiêu dùng                                                                                    | %           | 1,22       | < 4,0             | 5,28-5,35             |         |
| <b>B NHÓM CHỈ TIÊU XÃ HỘI</b>                        |                                                                                                         |             |            |                   |                       |         |
| 6                                                    | Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên so với năm trước                                                      | %           |            | 0,15              | Báo cáo cuối năm 2024 |         |
| 7                                                    | Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân so với năm trước                            | %           |            | 0,1               |                       |         |
| 8                                                    | Duy trì tỷ lệ xã/phường/thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế                                             | %           |            | 100               |                       |         |
| 9                                                    | Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế                                                                             | %           | 93,10      | 94,5              | 94,33                 |         |
| 10                                                   | Tỷ lệ lao động tham gia BHXH bắt buộc trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động                    | %           | 42,00      | 45                | 44,37                 |         |
| 11                                                   | Tỷ lệ lao động tham gia BHXH tự nguyện trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động                   | %           | 1,75       | 2,5               | 2,43                  |         |
| 12                                                   | Tỷ lệ đối tượng tham gia Bảo hiểm thất nghiệp trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động            | %           | 38,60      | 40                | 40,05                 |         |
| 13                                                   | Giảm số hộ nghèo so với đầu năm                                                                         | hộ          |            | 380               |                       |         |
| 14                                                   | Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị                                                                     | %           |            | <3,0              | Báo cáo cuối năm 2024 |         |
| 15                                                   | Tỷ lệ lao động (đang làm việc) qua đào tạo                                                              | %           |            | 74,2              |                       |         |
|                                                      | - Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ                                                                 | %           |            | 54,0              |                       |         |
| 16                                                   | Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia                                                                | %           |            | 78,5              | 79,4                  |         |
|                                                      | - Số trường công lập đạt CQG công nhận mới (lần đầu)                                                    | Trường      |            | 114               | 3                     |         |
|                                                      | - Số trường công lập đạt CQG được công nhận lại                                                         | Trường      |            | 300               |                       |         |
| 17                                                   | Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu "Gia đình văn hóa"                               | %           |            | 88,0              | Báo cáo cuối năm 2024 |         |
| 18                                                   | Tỷ lệ thôn (làng) được công nhận và giữ vững danh hiệu "Làng văn hóa"                                   | %           |            | 64,5              |                       |         |
| 19                                                   | Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu "Tổ dân phố văn hóa"                              | %           |            | 74,0              |                       |         |
| <b>C NHÓM CHỈ TIÊU ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN, MÔI TRƯỜNG</b> |                                                                                                         |             |            |                   |                       |         |
| 20                                                   | Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch                                                                    | %           |            |                   |                       |         |
|                                                      | <i>Trong đó:</i> + Khu vực đô thị                                                                       | %           |            | 100,0             |                       |         |
|                                                      | + Khu vực nông thôn                                                                                     | %           |            | 95,0              |                       |         |
| 21                                                   | Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển trong ngày                                          | %           |            |                   |                       |         |
|                                                      | - Khu vực đô thị                                                                                        | %           |            | 100,0             |                       |         |
|                                                      | - Khu vực nông thôn                                                                                     | %           |            | 95-100            |                       |         |
| 22                                                   | Xử lý ô nhiễm môi trường                                                                                |             |            |                   |                       |         |
| 22.1                                                 | Tỷ lệ cụm công nghiệp có trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng |             |            |                   | Báo cáo cuối năm 2024 |         |
|                                                      | - Đối với CCN xây dựng mới                                                                              | %           |            | 100               |                       |         |
|                                                      | - Đối với CCN, CCN làng nghề đã đi vào hoạt động                                                        | %           |            | 100               |                       |         |
| 22.2                                                 | Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý                                                                     | %           |            | 99,0              |                       |         |
| 22.3                                                 | Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường                                               | %           |            | 100,0             |                       |         |
| 22.4                                                 | Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý                                                                       | %           |            | 40,0              |                       |         |
| 23                                                   | Xã nông thôn mới                                                                                        |             |            |                   |                       |         |
|                                                      | - Số xã được công nhận đạt tiêu chí NTM nâng cao tăng thêm                                              | Xã          |            | 40,0              |                       |         |
|                                                      | - Số xã được công nhận đạt tiêu chí NTM kiểu mẫu tăng thêm                                              | Xã          |            | 35,0              |                       |         |
| 24                                                   | Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng                                                                      | %           |            | 22-25             |                       |         |